

THÍCH MINH CHÂU

NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU  
**MILINDA VẤN ĐẠO (CHỮ PÀLI)**  
VÀ  
**KINH NA-TIÊN TỶ-KHEO (CHỮ HÁN)**

**MILINDAPAÑHA**  
&  
**NA-HSIENBHIKSHUSÛTRA**  
(A Comparative Study)

TRẦN PHƯƠNG LAN dịch



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1999



# MỤC LỤC

- Mục lục .....	3
- Lời nói đầu .....	11
- Bảng viết tắt .....	15
- Sách tham khảo .....	16

## Phần một :

### NHẬP ĐỀ

<b>I. Những điểm tương đồng trong bản P và bản C .....</b>	<b>22</b>
<b>II. Những điểm sai biệt .....</b>	<b>25</b>
A. Nhan đề .....	25
B. Sơ đồ của tác phẩm .....	25
C. Các mẫu đối thoại .....	27
D. Các tiền thân của Nāgasena và Milinda .....	29
E. Các sai biệt trong chi tiết .....	34
F. Các sai biệt trong giáo lý:	
1. A-tỳ-dàm (Thắng Pháp Luận) .....	39
2. 37 yếu tố đưa đến Giác Ngộ .....	40
3. Lý duyên khởi .....	41
4. Các cảm thọ .....	42
5. Tam Pháp Ấn .....	43
6. Bảy loại Trí tuệ .....	43
7. Như lý tác ý và Trí tuệ .....	44

8. Niết-bàn .....	44
9. Tín .....	44
10. Sự thọ Đại giới và Tuệ giác .....	44
11. Niệm .....	44
12. Thức, Trí tuệ và Mạng căn .....	45
<b>G. Các Ví dụ</b>	
1. Các điểm tương đồng và dị biệt .....	46
2. Các cách giải thích khác nhau .....	47
3. Bản P có nhiều chi tiết hơn .....	48
4. Bản C có nhiều chi tiết hơn .....	49
<b>H. Các bài kệ và đoạn trích dẫn</b>	
1. Các bài kệ .....	50
2. Các đoạn trích dẫn .....	51
<b>III. Các tông phái mà bản P và C trực thuộc .....</b>	<b>54</b>
<b>IV. Khảo sát tính tiên khởi và trung thực</b>	
<b>của bản P và C .....</b>	<b>55</b>
1. Sự sai lạc niên đại lịch sử ở bản P .....	56
2. Các đoạn đề cập A-tỳ-đàm ở bản P .....	57
3. Các điểm đề cập Tam tạng và Nikàya bản P .....	58
4. Các công thức về Giáo lý .....	58
5. Nguyên tác của bản C có thể xuất hiện trước thời các tông phái Phật giáo thành lập .....	59
6. Tính xác thực của bản C .....	59
7. Có rất nhiều phép thần thông trong bản C .....	62
8. Sự dung hòa hợp lý trong bản C .....	64
9. Bổ sung bốn chương cuối trong bản C .....	64
10. Các sai biệt giữa ấn bản La-mã và 66 ấn bản Xiêm/Thái .....	66
11. Các đoạn trích dẫn của Luận sư .....	67
Buddhaghosa từ quyển Milindapañha .....	67

12. Bản P chỉ là một bản dịch mở rộng .....	68
---------------------------------------------	----

**Phần hai:**

**NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CHI TIẾT TỪNG ĐOẠN**

*Chương Một:*

**CHUYỆN NGOÀI LỀ hay DUYÊN KHỞI**

A. Phần mở đầu quyển sách .....	70
B. Các đời trước của Na-tiên và Mi-lan .....	70
C. Miêu tả thành Sàgala (Xá-kiệt) .....	76
D. Vua Milinda .....	78
E. Cuộc hội kiến giữa Tôn giả Ayupala và Vua Milinda .....	79
F. Cuộc hội kiến giữa Tôn giả Nagasena và Vua Milinda:	
1. Kiến thức và các đức tính của Tôn giả Nàgasena .....	80
2. Cuộc đối thoại giữa Tôn giả Nàgasena và Vua Milinda .....	81

*Chương Hai*

**VẤN NẠN VỀ CÁC ĐẶC TÍNH**

**Phẩm 1**

1. Vấn nạn về danh xưng .....	83
2. Bảy năm thọ giới .....	86
3. Các cách thức thảo luận .....	86
4. Lời thỉnh cầu tái ngộ để thảo luận .....	87
5. Cuộc đàm thoại giữa Anantakàya và Nàgasena .....	87
6. Cuộc hội kiến khác giữa Nagasena	

và Vua Milinda .....	88
7. Mục đích chọn đời sống tu hành .....	89
8. Nói về tái sinh .....	90
9. Các đức tính khác:	
Sáu đức tính khác .....	91
Tín .....	91
Hiếu thuận/Giới .....	96
Tinh cần .....	96
Niệm .....	97
Định .....	98
Tuệ .....	98
10. Các thiện pháp khác .....	99

## **Phẩm 2**

1. Người tái sinh vẫn là một hay thành kẻ khác? .....	100
2. Người giải thoát sanh tử có nhận thức điều này không? .....	102
3. Thông minh và trí tuệ .....	102
4. Khổ thọ của người đã được giải thoát .....	104
5. Các loại cảm thọ khác nhau .....	105
6. Cái gì được tái sinh ? .....	107
7. Nàgasena còn tái sinh không? .....	108
8. Danh Sắc không tái sinh riêng biệt .....	108
9. Thời gian có hiện hữu và thời gian không hiện hữu .....	109

## **Phẩm 3a**

1. Nguồn gốc của thời quá khứ, hiện tại và tương lai .....	110
2. Sanh tử không ngừng .....	111
3. Nguồn gốc của sanh tử không thể hiểu được .....	111

4. Các phương diện xác định và phủ định của Lý Duyên khởi .....	112
5. Mọi vật đều phát sanh từ một số nguyên nhân .....	113
6. Có ngã thể hay linh hồn chẳng? .....	114
7. Nhân thức và ý thức .....	116
8. Xúc .....	117
9. Thọ .....	118
10. Tưởng .....	118
11. Tư niệm/Dự định .....	119
12. Thức và Tâm .....	119
13. Tứ .....	120

### Phẩm 3b

1. Không thể phân biệt các pháp .....	121
2. Muối có cân nặng được không? .....	121

### Chương Ba

## GIẢI TỎA CÁC VẤN NẠN

### Phẩm 4

1. Năm thứ tri giác do nhiều nghiệp gây ra .....	124
2. Nhiều loại nghiệp khác nhau đưa đến nhiều hạng người khác nhau .....	124
3. Thiện nghiệp phải được làm từ trước .....	125
4. Lửa địa ngục nóng hơn nhiều so với lửa thường .....	126
5. Phong đại nâng đỡ thủy đại .....	129
6. Định nghĩa Niết-bàn .....	129
7. Phải chăng tất cả mọi người học pháp đều đắc Niết-bàn? .....	130
8. Niết-bàn là lạc .....	131

## Phẩm 5

1. Đức Phật có xuất hiện .....	132
2. Đức Phật là vô thượng .....	132
3. Tính cách vô thượng của đức Phật được biết qua giáo lý của Ngài .....	133
4. Phật Pháp phải được thực hành suốt đời .....	133
5. Tái sinh không có thần hồn chuyển tiếp .....	134
6. Các nghiệp thiện- ác đi theo người làm .....	134
7. Không thể nêu rõ các nghiệp thiện ác .....	136
8. Người tái sinh có biết mình sẽ tái sinh chăng? .....	136
9. Không thể nêu rõ đức Phật ở đâu sau khi Ngài diệt độ/viên tịch .....	137

## Phẩm 6

1. Người tu hành không yêu quý thân mình .....	138
2. Đức Phật toàn tri kiến (Chánh biến tri) .....	139
3. Ba mươi hai tướng của đức Thế Tôn .....	139
4. Đức Phật có phải là đệ tử của Phạm Thiên chăng? .....	140
5. Đức Phật không có đạo sư .....	141
6. Hai loại nước mắt .....	142
7. Người có tham dục và không tham dục .....	143
8. Trí tuệ trú ở đâu ? .....	143
9. Ý nghĩa của Luân hồi sanh tử .....	143
10. Trí nhớ và Tâm ý .....	144
11. Kiến thức và Trí nhớ .....	145

## Phẩm 7

1. Trí nhớ phát sanh theo 16 cách .....	146
2. Năng lực của một niệm hương về Phật .....	150
3. Đoạn trừ khổ đau tương lai .....	151



4. Phạm Thiên giới xa bao nhiêu? .....	152
5. Tốc lực do một vị hữu tình đạt được lúc tái sanh .....	152
6. Bảy thứ trí tuệ .....	153
7. Công đức tạo quả lớn hơn ác nghiệp .....	154
8. Làm ác vô ý thức và làm ác có ý thức .....	155
9. Năng lực của du hành .....	155
10. Loại xương thật dài .....	156
11. Ngưng thờ .....	156
12. Đại dương .....	157
13. Vị mặn .....	157
14. Năng lực của trí tuệ .....	158
15. Không có thần hồn trong thân thể .....	158
16. Thật khó thay sự nghiệp đức Phật đã làm .....	160

## KẾT LUẬN

### Phần ba

#### I. Phụ lục

Một số nhận xét bản Hán dịch

1. Một số từ cổ .....	166
2. Một số cách dịch tối nghĩa và lạ thường .....	168

#### II. Nguyên tác Anh ngữ:

MILINDAPAÑHA AND NA-HSIEN BHIKSHU SUTRA .....	171
--------------------------------------------------	-----

\*

\* \*



## LỜI NÓI ĐẦU

Nhan đề *Minlindapañha* là một sự kết hợp từ ngoại quốc và từ Pàli, chứng tỏ rằng quyển luận văn này đầu tiên đã được dành cho những người vốn am hiểu danh tánh Vua Menander hoặc có liên hệ đến Vua ấy.

Hiển nhiên nhiều vị trong số đó không phải dân Ấn Độ, những vị có óc phê bình và không có khuynh hướng chấp nhận tất cả mọi quan điểm và lời nói được gán cho vị Đại Đạo Sư, do lòng kính trọng đối với ngài.

Vấn đề đầu tiên được thảo luận trong sách này là một trong các giáo lý gây tranh biện nhiều nhất giữa những người theo đạo Phật. Ở đây, vấn đề tương quan do nghiệp lực giữa đời sống này và đời sống khác của một vị hữu tình được đưa ra thảo luận. Ta có thể nói đây cũng là vấn đề đầu tiên được bàn đến trong *Kathàvatthu* (Luận sự) một quyển của bộ luận A-tỳ-đàm (*Puggalo Upalabbhati*).

Giới Phật giáo đồ là trường phái tư tưởng duy nhất chủ trương sự chuyển tiếp các nghiệp quả từ đời sống này sang đời sống khác mà lại không công nhận sự hiện hữu hay chuyển tiếp của linh hồn tức ngã thể (*puggala*).

Trong các kỷ nguyên trước Tây lịch (tiền Thiên Chúa), luận lý học còn ở thời kỳ sơ đẳng, vì vậy hầu hết các vấn đề gay go như thế đã được giải đáp nhờ các ví dụ, chứ không phải bằng các lý luận.

Các ví dụ ấy cũng theo kiểu bình dân phổ biến, và rất có thể không phải dành cho giới trí thức mà dành cho giới bình

dân, trong đó chắc hẳn có nhiều người lai Ấn -Hy và Ấn - Bactria.

Các lý luận trong Kathavatthu, quyển sách xuất hiện sớm hơn nhiều so với Milindapañha, lại ở mức độ cao hơn. Còn quyển sau, tức quyển Milindapañha, dù được viết theo lối bình dân, với các ví dụ trong đời thường, vẫn trình bày rõ ràng những vấn đề căn bản trong các giáo lý, các giới luật và lời dạy đạo đức của bậc Giác Ngộ.

Ngay từ năm 1860, V. Trenckner, vị học giả uyên bác biên soạn về sách Milindapañha đã gán thời đại của sách này vào thế kỷ thứ nhất sau CN và đã kết luận dựa vào cách dùng câu "*Tam yathà nusūgata*" (*Tục truyền chuyện được kể lại như vậy*) thay vì "*Evam me sutam*" (*Như vậy tôi nghe*) rằng nguyên tác được viết theo chữ Sanskrit ở Bắc Ấn Độ, nơi Vua Menander có lãnh thổ cai trị, và vùng này không liên hệ đến Ceylon (Tích lan).

Theo tôi, quan điểm này vẫn có giá trị mặc dù truyền thống cho rằng *Gunabhadra* (Phước Hiền, 395 - 468) đã mang theo mình một bản của sách này từ Ceylon về Trung Hoa, như đã được Giáo sư Demieville đề cập (xem BEFE. XXIV, 1924).

Có mười một bản dịch sách này ra chữ Hán (ở Trung Hoa), những bản dịch đã được thực hiện từ T.K thứ sáu đến T.K thứ mười ba sau CN. Người Trung Hoa dịch *Tam Tạng* (*Tripitaka*) từ bản Sanskrit, hầu hết được tìm thấy ở Bắc Ấn và Trung Á, đó là các trung tâm của phái *Sarvastivada* (*Nhất Thiết Hữu Bộ*) và *Dharmagupta* (*Pháp Hộ Bộ*), những vị này đã kết tập Tam Tạng bằng thứ chữ bán phần Sanskrit.<sup>1</sup>

Quả thật, không có bản dịch nào từ Kinh tạng Pàli sang chữ Hán của Trung Hoa, có lẽ ngoại trừ quyển *Samantapāsādikā* (*Toàn Thiện*) và quyển *Vimuttimaggā* (*Con Đường Giải Thoát*), mà mối liên hệ chính xác giữa quyển này với quyển *Visuddhimaggā* (*Con đường Thanh Tịnh*) của Buddhaghosa (Phật

---

<sup>1</sup> Chữ Sanskrit pha trộn với các thổ ngữ (dg).

Âm) từ trước đến nay vẫn chưa được xác nhận.

Khi so sánh các bản Kinh tìm được thuộc Tam Tạng chữ Sanskrit với các bản Kinh tương đương chữ Pàli và các bản Hán dịch hình như có sự sai biệt lớn lao giữa các bản kinh Sanskrit và Pàli, trong khi lại có sự tương đồng chặt chẽ giữa các bản Kinh Sanskrit và bản Hán dịch.

Vì thế, ta không thể mong đợi các bản Hán dịch *Milindapañha* sẽ tương ứng trung thực với bản Pàli. Vị soạn giả hiện thời, Tiến sĩ Thích Minh Châu, đã xác nhận đầy đủ sự kiện này bằng cách khảo sát kỹ lưỡng các bản *Milindapañha* trong chữ Pàli và chữ Hán cũng như các Kinh khác của Năm bộ Nikàya.

Trong bản Hán dịch chỉ tìm được ba phần đầu của quyển *Milindapañha*. Theo các ý kiến của Tiến sĩ Thích Minh Châu cũng như của nhiều học giả Âu Châu và Nhật Bản, ba chương này tạo thành nguyên tác, còn các tác phẩm kia được thực hiện về sau qua nhiều thế kỷ theo tập quán của các tác phẩm và luận sư Ấn Độ thời nguyên thủy. Như vậy, rất có thể là các bản Hán dịch đã theo các nguyên bản Sanskrit.

Trong BEFEO (XXIV), GS. Demieville đã so sánh vắn tắt các chương nhập đề và khảo sát nội dung của các bản Pàli và Hán, rồi dịch bản Hán ra tiếng Pháp. Ông thực hiện một cuộc nghiên cứu bình luận về Vua Menandre<sup>2</sup>, thành Sàkala, Tý-kheo Nàgasena như một vị A-la-hán, một vị lý giáo và tác giả bộ luận *Trikayasàstra (Luận Tam Thân)* v.v...

Trong công trình hiện nay, tác giả (Thích Minh Châu) đã lấp đầy chỗ trống do G.S Demieville để lại. Ngài so sánh các bản Pàli và Hán từng hàng một và nêu ra những điểm sai biệt nổi bật giữa hai bản một cách trọn vẹn hoàn toàn.

Nhân tiện đây, ngài nói rằng có sự khác nhau trong phương pháp nghiên cứu các bản Kinh Phật giữa các học giả,

---

<sup>2</sup> Menandre tức Milinda hoặc Menander viết theo chữ Pháp (dg).

luận sư Ấn Độ và Trung Hoa. Khi nghiên cứu đối chiếu kỹ lưỡng hai bản dịch, ngài đi đến kết luận rằng bản Pàli hiện hành là bản được mở rộng từ một bản Pàli thời xưa, đó mới là bản dịch từ nguyên tác, và bản dịch từ nguyên tác này thực sự là căn bản của các bản Hán dịch, riêng bốn phần còn lại của ấn bản Trenckner đã được các nhà kết tập Kinh Tạng Pàli thêm về sau.

Trong chương “*Khảo sát tinh tiên khởi và trung thực của các bản dịch Pàli và Hán*”, ngài dẫn chứng các lý luận vững mạnh có giá trị đặc biệt.

Tác giả đã thảo luận các đề tài sau đây:

1. Các đời trước của Nàgasena và Milinda.
2. Các giáo lý được nói đến trong sách này.
3. Các ví dụ, trích dẫn và kệ tụng.

Tác giả là một tu sĩ Việt Nam, đã tinh thông cả hai ngôn ngữ Pàli – Hán và đã hoàn thành mọi kiến thức về ngôn ngữ Pàli tại Học viện Pàli ở Nàlandà. Vốn uyên bác cả hai ngôn ngữ ấy, ngài có thể so sánh cả hai bản này tận gốc trong từng vấn đề và nêu rõ các điểm tương đồng và dị biệt. Do vậy, các kết luận của ngài rất có giá trị.

Cách trình bày các tài liệu của ngài thật sáng tỏ và gây ấn tượng. Qua tác phẩm này, ngài đã có một cống hiến xuất sắc vào sự nghiệp nghiên cứu Phật học, đó là lãnh vực mà các học giả hiện đại ngày càng quan tâm nhiều hơn.

Tôi hy vọng ngài sẽ tiếp tục các công trình nghiên cứu đối chiếu Kinh Pàli tạng và Hán tạng nhiều hơn nữa, đồng thời mở ra một viễn ảnh mới lạ trong kiến thức của chúng ta về lịch sử Phật giáo Á châu ngày nay.

29 Phố Ramananda Chatterjee  
Calcutta 07.01.1964.

**Giáo sư Nalinaksha Dutt**

Trưởng ban Pàli ngữ, Đại học Calcutta, Ấn Độ.

## CHỮ VIẾT TẮT

---

- B.E.F.E.O* : Bulletin d'Ecole Francaise d'Extreme Orient : Tập san của Trường Viễn Đông Pháp quốc
- C.* : Chinese Text: Bản chữ Hán/Hoa
- Dial* : Dialogue: Mẫu đối thoại (ĐT)
- GBT* : The Greeks in Bactria and India : Người Hy Lạp ở Bactria và Ấn Độ.
- KE* : Korean Edition: Ấn bản của Triều Tiên.
- L.T* : Later Translation: Bản dịch về sau.
- N.Ed* : Nàlandà Edition: Ấn bản của Nàlandà.
- P.M.P* : Pàli Milindapañha : Bản Milindapañha trong chữ Pàli.
- Q.K.M* : The Questions of King Milinda: Các câu hỏi của Vua Milinda.
- R.M.P* : On the Recensions of Milindapañha : Về các bản biên soạn Milindapañha, Tiến sĩ Kogen Mizuno.
- S* : Siamese: Chữ Xiêm/Thái.
- S.M.P* : Bản Milindapañha chữ Xiêm/Thái

\*

\* \*

## VỀ SÁCH THAM KHẢO

---

- Bản Pàli : 60b, 6-10 : tức là bản Hán/Hoa trang 60b, hàng 6 → 10.
- Bản Hán : 87, 21-26 ; 88 ; 89, 1-16 tức là bản P (Pàli) trang 87, từ hàng 25 → 26, cả trang 88 ; trang 89 từ hàng 1 → 16.

\*  
\* \*



*Phần một*  
**NHẬP ĐỀ**

Các tác phẩm trước đây về đề tài này

Quyển *Milindapañha* chữ Pali và bản Hán chữ tương đương, *Kinh Na-tiên Tỷ-kheo*, rất được thịnh hành và hâm mộ giữa các giới học giả Đông phương cũng như Tây phương và vì vậy có rất nhiều bản dịch hai Kinh này sang nhiều ngôn ngữ khác nhau, trong số ấy là các bản dịch được kể sau đây :

1. Louis Finot : *Les Questions de Milinda*, Paris 1923 (bản Pháp dịch quyển I - III).

2. Rhys Davids : *The Questions of King Milinda*, (bản Anh dịch 1925).

3. Nyànatiloka : *Fragen Des Milinda*, Munchen 1919 (bản Đức dịch trọn bộ).

4. F. Otto Schrader : *Die Fragen Des Konigo Menandros*, Berlin, 1905. (bản Đức dịch những phần được dịch giả xem là nguyên thủy).

5. Specht & Levi : *Deux Traductions Chinoises de Milindapañho* : Oriental Congress IX, London, 1892, quyển I, trang 518 ff.

6. Sogen Yamagami : *Sutra on Questions of King Milinda* (bản Nhật dịch từ bản Hán).

7. Sei Syu Kanamoli : *Questions of King Milinda* (bản Nhật dịch từ bản Pàli).

8. Paul Demieville : *Les Versions Chinoises Du Milindapañha*, BEFEO, tập XXIV, 1924.

Các luận văn về hai bản Kinh chữ Pàli và chữ Hán này, cùng các công trình nghiên cứu đối chiếu chúng cũng thu hút sự chú ý của nhiều học giả. Một số sách bình luận và nghiên cứu đối chiếu này được liệt kê dưới đây :

1. Garbe : *Beiträge Zu indischen Kulturgeschichte*, Berlin 1903.

2. Mrs Rhys Davids : *The Milinda Questions*, London 1930.

3. Rhys Davids : *Encyclopaedia of Religion and Ethics*, tập VIII, trang 631 ff (và các trang sau), đề mục về Milindapañho.

4. *Taisho Edition of the C Tripitaka*, do Takakusu và Watanabe soạn, tập 32, số 1670 (a) và 1670 (b).

5. Winternitz : *History of Indian Literature*, tập II, trang 174 - 183.

6. Siegfried Behrsing, *Beitrage zu einer, Milinda Bibliographie*, Bulletin of the School of Oriental Studies, tập VII, 3, trang 517 ff.

7. C. Law : *A History of Pàli Literature*, tập II, trang 353 - 72.

8. J.Takakusu : *Chinese Translations of the Milindapañha*, JRAS, 1896.

9. Dr Kogen Mizuno : *On the Recensions of Milindapañha*.

### **Mục đích và cơ cấu của tác phẩm này**

Điều không may là hầu hết các tác phẩm trên như các tác phẩm chữ Đức, Pháp và Nhật đều không dễ tìm thấy đối với các

học giả và sinh viên văn học Phật giáo ở Ấn Độ. Vì thế tác phẩm hiện nay của tôi là một nỗ lực nhằm lấp đầy khoảng trống này và trình bày một cách nghiên cứu đối chiếu mới lạ và có hệ thống về hai bản Pàli và Hán nói trên.

Sách này cố gắng hiện một công trình khảo sát toàn vẹn và đầy đủ chi tiết về hai bản Kinh ấy, sắp đặt tất cả các đoạn chữ Hán và Pàli tương ứng bên cạnh nhau, và đồng thời ghi chú mọi điểm tương đồng và dị biệt giữa hai bản.

Như vậy, độc giả có đủ mọi dữ kiện trước mắt và sẽ có thể tạo nên các kết luận của riêng mình, nếu đó là ý muốn của chư vị. Ngoài ra, tác phẩm của tôi cũng là một sự điều tra kỹ lưỡng về tính tiên khởi của các bản dịch Pàli và Hán ấy, qua cách sử dụng các kết luận trong một số tác phẩm của các vị tiền bối của tôi (rất tiếc là không nhiều) mà tôi có sẵn, và cũng qua cách trích dẫn các bằng cứ nội tại và ngoại lai đã tìm được để chứng minh quan điểm và kết luận của tôi về vấn đề này.

Mãi cho đến bây giờ, chúng ta có thể xác nhận chắc chắn là nguyên tác của bản chữ Hán có mặt sớm hơn bản Pàli, như đã chứng minh ở chương : *"Khảo sát tính cách tiên khởi và trung thành của các bản Pàli và Hán"*.

### ***Các bản kinh được chấp nhận.***

Ở đây tôi đã chọn quyển *Milindapañha* bản Pàli do **V. Trenckner** soạn để dùng trong sự nghiên cứu đối chiếu của tôi. Về bản Hán, tôi phải chấp nhận ấn bản H.su Ts' ang của Nhật vì có sẵn, còn ấn bản *T'ai Sho* không tìm được ở Nàlandà.

Tôi ước mong giới thẩm quyền ở Đại học Nàlandà sẽ sửa chữa khuyết điểm đáng tiếc này, vì ấn bản *T'ai Sho* được các học giả khắp thế giới sử dụng rộng rãi; còn các phần tham khảo một ấn bản khác như tôi đã dùng trong tác phẩm này lại không được giới học giả nói chung hoan nghênh lắm.

Quyển *Na-tiên Tỷ-kheo Kinh* có hai bản chữ Hán, một bản gồm hai tập, được gọi là K.E (ấn bản Triều Tiên) trong sách của tôi, và bản kia gồm ba tập. Tôi đã chọn quyển ba tập vì quyển trước bị sai lạc quá nhiều, thiếu cả 17 mẫu đối thoại và thứ tự một số mẫu đối thoại bị thay đổi, mặc dù trong một vài đoạn, bản này đi sát với bản Pàli hơn.

Tuy nhiên trong sách nghiên cứu đối chiếu của tôi, tất cả những điểm sai biệt chính giữa hai bản Hán này đều được trích dẫn để làm sáng tỏ cho độc giả thấy bất cứ điểm dị biệt lớn lao nào giữa hai bản dịch.

### *Cảm tạ.*

Khi tôi đã hoàn thành việc nghiên cứu đối chiếu bản *Milindapañha* chữ Pàli và *Na-tiên Tỷ-kheo Kinh* chữ Hán, nhưng chưa xong phần giới thiệu, thì tôi nhận được quyển sách tiếng Nhật "*Về Các Bản Biên Soạn Milindapañha*" của **Ts.Kogen Mizuno**, do ông **Egaku Malda**, một học giả Nhật gửi cho tôi.

Ông **Nagasaki**, một học giả Nhật ở Đại tự Nava Nàlandà, lại có nhã ý dịch sách này sang tiếng Anh dùm cho tôi, và tôi rất hoan hỷ thấy các kết luận của **Ts. Mizuno** hoàn toàn phù hợp với các kết luận của tôi, và điều đáng phấn khởi hơn nữa là vị này đã đưa ra một số chứng cứ mới lạ đầy thuyết phục về tính cách tiên khởi của hai bản Kinh ấy.

Vì thế, để công nhận kiến thức uyên bác của học giả này, tôi đã trích dẫn một số kết luận của ông vào trong tác phẩm của tôi để hỗ trợ quan điểm của tôi, đồng thời tôi cũng cố gắng đưa một vài phần trong công trình có giá trị ấy vào đây để giới độc giả nói chung lưu ý.

Tôi xin gửi vào đây những lời chân thành cảm ơn ba vị học giả Nhật nói trên, những vị đã đóng góp nhiều vào việc cải tiến

tác phẩm này của tôi.

Tôi rất cảm ơn *Gs.Nalinaksha Dutt*, nguyên Trưởng ban Pàli ngữ, Đại học Calcutta, người đã có nhã ý viết lời nói đầu sách này, như vậy đã làm tăng uy tín và phẩm chất quyển sách này bằng kiến thức thông thái của vị ấy.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn *Gs.P.V Bapat* ở Poona đã đọc lại toàn bộ công trình của tôi với sự tận tụy của một học giả đầy kinh nghiệm và đã cống hiến nhiều ý kiến và điểm điều chỉnh có giá trị. Kiến thức của ông về hai ngôn ngữ Pàli và Hán quả thật là một vốn quý đáng khâm phục làm cho lời khuyên của ông vô cùng xứng đáng được tôn trọng.

Bao giờ cũng vậy, **Đại tự Nava Nàlandà** với bầu không khí thanh bình và thư viện phong phú vẫn cung cấp cho tôi một nơi an trú thực sự để tôi có thể dành mọi thì giờ vào các tác phẩm công trình nghiên cứu của tôi mà không bị quấy rầy hay trở ngại gì cả. Ước mong vị Viện trưởng, toàn thể nhân viên và mọi người đồng cư tại đó nhận nơi đây những lời cảm ơn của tôi.

*Tỳ-kheo Thích Minh Châu*  
*Đại tự Nàlandà, Ấn Độ, 1963*